

Số:113/2023/QĐCNHGT-DS

Hoàng Hóa, ngày 15 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 và anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị P.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về hợp đồng tín dụng đề ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần P1.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Ngân hàng Thương mại cổ phần P1.

Địa chỉ: Số D 1& D đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thế T1 - Chức vụ: Giám đốc Phòng G

Địa chỉ: B N, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

(Theo giấy ủy quyền số 16/2023/UQ-CT-HĐQT ngày 14/03/2023 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP P1).

Người được uỷ quyền: Ông Lưu Xuân H2 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

(Theo giấy ủy quyền số 0310/2023/UQ-OCB-THN ngày 03/10/2023 của Giám đốc Phòng G, chi nhánh T2).

Địa chỉ: B N, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Người bị kiện: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1991

Đều có địa chỉ: Phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 11 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 11 năm 2023, cụ thể như sau:

1.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 28/11/2023 anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H1 còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 tổng số tiền là 5.284.823.840 đồng (Năm tỷ, hai trăm tám mươi tư triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc: 4.900.000.000 đồng, nợ lãi 316.461.019 đồng, thẻ tín dụng 58.297.090 đồng, lãi thẻ tín dụng 10.065.731 đồng.

2.2. Về thời gian, phương thức và số tiền trả nợ: Các bên thống nhất thỏa thuận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả nợ dần cho Ngân hàng theo các kỳ trả nợ cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Ngày 30/11/2023 anh H, chị H1 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc.
- Kỳ 2: Ngày 30/12/2023 anh H, chị H1 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc.
- Kỳ 3: Ngày 30/01/2024 anh H, chị H1 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc.
- Kỳ 4: Ngày 28/02/2024 anh H, chị H1 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc.
- Kỳ 5: Ngày 30/3/2024 anh H, chị H1 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc.
- Kỳ 6: Ngày 30/4/2024 anh H, chị H1 thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi còn lại và phí phát sinh cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 0033/2023/HĐTD-OCB-CN; Hợp đồng tín dụng số 0033.1/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 27/02/2023; các khế ước nhận nợ và hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 16/5/2022.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 29/11/2023) cho đến khi thi hành án xong, anh H, chị H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H1 vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào như đã cam kết thì Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0062/2022/BĐ ngày 21/3/2022 và số 0033/2023/BĐ ngày 27/02/2023 để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P1 và các khoản chi phí phát sinh. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 76 tờ bản đồ số 5-a địa chỉ phố V, thị trấn B, huyện H, diện tích 100m² theo giấy chứng nhận QSD đất số V370928, sổ vào sổ cấp GCN:00111/QSĐĐ do UBND huyện H cấp ngày 30/6/2004 cho bà Nguyễn Thị H3 (Ngày 20/12/2022 bà H3 tặng cho toàn bộ QSD đất cho chị Nguyễn

Thị H1), **C** tứ cạnh: Phía Tây giáp đường quốc lộ ĐH 27; phía Đông giáp đất nông nghiệp; phía Bắc giáp lô 30; phía Nam giáp lô 32.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 76 tờ bản đồ số 5-a địa chỉ **phố V, thị trấn B, huyện H**, diện tích 100m² theo giấy chứng nhận QSD đất số V370929, số vào sổ cấp GCN:00112/QSĐĐ do **UBND huyện H** cấp ngày 30/6/2004 cho ông **Nguyễn Hữu S** (Ngày 20/12/2022 ông **S** tặng cho toàn bộ QSD đất cho chị **Nguyễn Thị H1**). Có tứ cạnh: Phía Tây giáp đường quốc lộ ĐH 27; phía Đông giáp đất nông nghiệp; phía Bắc giáp lô 31; phía Nam giáp lô 33.

Tài sản gắn liền với 02 thửa đất trên là 01 nhà ở 04 tầng xây dựng năm 2022, diện tích xây dựng 200m², diện tích sàn 800m².

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 433 tờ bản đồ số 43 (193593-6-d) bản đồ địa chính **xã H** lập năm 2014; địa chỉ **thôn H, xã H, huyện H**, diện tích 205,5m² theo giấy chứng nhận QSD đất số CP676054, số vào sổ cấp GCN: CH03806 do **UBND huyện H** cấp ngày 06/11/2018 cho bà **Nguyễn Thị P**. Có tứ cạnh: Phía Bắc giáp hộ ông **Nguyễn Văn L** và hộ ông **Nguyễn Văn Đ**; Phía Nam giáp đường giao thông; Phía Đông giáp hộ ông **Nguyễn Văn L** và giáp đường ngõ xóm; Phía Tây giáp hộ ông **Nguyễn Văn Đ**.

Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở 02 tầng, diện tích xây dựng 80,5m², diện tích sàn 161m², xây dựng năm 2017 và toàn bộ công trình phụ gắn liền với nhà.

Nếu tài sản thế chấp kê biên phát mại không đủ để thanh toán khoản nợ thì anh **Nguyễn Văn H**, chị **Nguyễn Thị H1** vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ bằng các tài sản khác của anh **H**, chị **H1** cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo các Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Hoàng Hóa;
- THADS huyện Hoàng Hóa;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Nga

